

Số: 06/2018/TT-BXD

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2018

THÔNG TƯ

Ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Xây dựng

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19/7/2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê bộ, cơ quan ngang bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch-Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Xây dựng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Xây dựng bao gồm:

1. Danh mục chỉ tiêu thống kê ngành Xây dựng (Phụ lục I).
2. Nội dung chỉ tiêu thống kê ngành Xây dựng (Phụ lục II).

Điều 2. Trách nhiệm thu thập tổng hợp và công bố thông tin

1. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng:
 - a) Vụ Kế hoạch-Tài chính có trách nhiệm tổ chức phổ biến và công bố các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Xây dựng.
 - b) Cục trưởng, Vụ trưởng, Viện trưởng các Cục, Vụ, Viện chức năng thuộc Bộ Xây dựng căn cứ vào nội dung Hệ thống chỉ tiêu thống kê có trách nhiệm thu thập, tổng hợp trên phạm vi cả nước những chỉ tiêu được phân công trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Xây dựng, cung cấp cho Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp chung và công bố.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Giao Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối tại địa phương chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp thông tin thống kê trên địa bàn phục vụ tính toán các chỉ tiêu thống kê trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Xây dựng.

b) Chỉ đạo các Sở, ngành, phòng, ban và các cơ quan chuyên môn khác thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện việc thu thập, tổng hợp các thông tin thống kê trên địa bàn thuộc lĩnh vực được phân công, cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng cùng cấp.

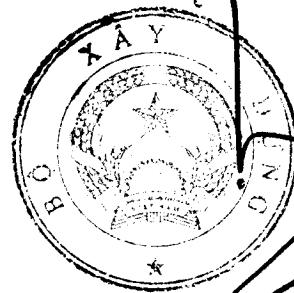
Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 25/9/2018 và thay thế Thông tư số 05/2012/TT-BXD ngày 10/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Xây dựng./. *ll*

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các PTT Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Tổng cục Thống kê (Bộ KH&ĐT);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Sở XD các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở QHKT TP Hà Nội; TP Hồ Chí Minh;
- Các Cục, Vụ, Viện, Thanh tra Bộ, Trung tâm thông tin thuộc Bộ Xây dựng;
- Công báo; Website của Chính phủ;
- Website của Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, KHTC (05b).

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Phạm Khánh

Phụ lục I

DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NGÀNH XÂY DỰNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2018/TT-BXD ngày 08 tháng 8 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

S T T	Mã số	Nhóm, Tên chỉ tiêu
01. Hoạt động đầu tư xây dựng		
1	0101	Tổng số công trình khởi công mới trên địa bàn
2	0102	Tổng số giấy phép xây dựng được cấp
3	0103	Số công trình vi phạm quy định trật tự xây dựng trên địa bàn
4	0104	Tổng số sự cố về công trình xây dựng
5	0105	Tổng số công trình được chấp thuận nghiệm thu đưa vào sử dụng
6	0106	Tổng số sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình
7	0107	Tổng số vụ tai nạn lao động trong thi công xây dựng công trình
8	0108	Tổng số người chết do tai nạn lao động trong thi công xây dựng công trình
9	0109	Tổng số người bị thương do tai nạn lao động trong thi công xây dựng công trình
02. Phát triển đô thị và nông thôn		
10	0201	Số lượng đô thị
11	0202	Tỷ lệ đô thị hoá
12	0203	Tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu, chi tiết đô thị
13	0204	Tỷ lệ lập quy hoạch xây dựng nông thôn
14	0205	Tỷ lệ lập Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị
15	0206	Tỷ lệ lập thiết kế đô thị riêng
16	0207	Diện tích đất đô thị
17	0208	Dự án đầu tư phát triển đô thị
18	0209	Tổng công suất cấp nước
19	0210	Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch
20	0211	Tổng công suất xử lý nước thải đô thị

S T T	Mã số	Nhóm, Tên chỉ tiêu
21	0212	Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định
22	0213	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt
23	0214	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định
24	0215	Khối lượng chất thải rắn xây dựng được thu gom, tái chế hoặc tái sử dụng
25	0216	Tổng chiều dài đường đô thị
03. Nhà ở, bất động sản và công sở		
26	0301	Số lượng nhà ở, diện tích nhà ở công vụ hiện có và sử dụng
27	0302	Tổng số nhà ở hoàn thành trong năm
28	0303	Tổng diện tích nhà ở theo dự án hoàn thành trong năm
29	0304	Tổng số nhà ở và tổng diện tích nhà ở xã hội hoàn thành trong năm
30	0305	Chỉ số giá giao dịch một số loại bất động sản
31	0306	Chỉ số lượng giao dịch bất động sản
32	0307	Công sở cơ quan hành chính nhà nước
04. Vật liệu xây dựng		
33	0401	Một số sản phẩm vật liệu xây dựng chủ yếu

Phụ lục II

NỘI DUNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NGÀNH XÂY DỰNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2018/TT-BXD
ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

01. Hoạt động đầu tư xây dựng

0101. Tổng số công trình khởi công mới trên địa bàn

1. Khái niệm, phương pháp tính

- Công trình khởi công mới trên địa bàn là công trình đủ điều kiện khởi công xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng và được khởi công xây dựng mới trong năm sau khi chủ đầu tư gửi thông báo cho cơ quan quản lý xây dựng tại địa phương biết để theo dõi, kiểm tra, giám sát theo quy định.

- Tổng số công trình khởi công mới trên địa bàn (không bao gồm nhà ở riêng lẻ) là số công trình được cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng trên địa bàn thu thập, tổng hợp từ các thông tin trong thông báo khởi công do chủ đầu tư gửi cho cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng trên địa bàn.

- Các công trình xây dựng khởi công mới được phân theo các nhóm dự án (theo quy định của Luật đầu tư công) và phân loại theo công năng sử dụng (theo quy định của Luật Xây dựng).

- Tổng mức đầu tư (hoặc dự toán) là toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng của dự án được xác định phù hợp với thiết kế cơ sở và các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có); chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác và chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và trượt giá.

2. Phân tổ chủ yếu

- Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
- Quy mô dự án;
- Loại công trình.

3. Kỳ công bố: 6 tháng, năm.

4. Nguồn số liệu

Chế độ báo cáo thống kê ngành Xây dựng.

5. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp: Cục Quản lý hoạt động xây dựng.